

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date : 21/01/2026

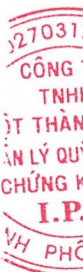
7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,381,055,000	96.27%
1	ACB	2,100	3.67%
2	BID	100	0.37%
3	BVH	100	0.51%
4	CII	300	0.39%
5	CMG	100	0.26%
6	CTG	600	1.66%
7	DBC	100	0.19%
8	DCM	100	0.25%
9	DGC	100	0.45%
10	DGW	100	0.33%
11	DIG	300	0.34%
12	DPM	100	0.17%
13	DXG	400	0.43%
14	EIB	700	1.12%
15	EVF	400	0.32%
16	FPT	700	5.08%
17	FRT	100	1.07%
18	FTS	100	0.23%
19	GAS	100	0.73%
20	GEX	300	0.86%
21	GMD	200	0.95%

22	GVR	100	0.27%
23	HAG	400	0.50%
24	HCM	300	0.53%
25	HDB	1,700	3.43%
26	HDG	100	0.18%
27	HHV	200	0.18%
28	HPG	2,000	3.80%
29	HSG	200	0.23%
30	KBC	200	0.52%
31	KDH	300	0.61%
32	LPB	1,400	4.13%
33	MBB	1,900	3.63%
34	MSB	1,000	0.87%
35	MSN	400	2.23%
36	MWG	500	3.00%
37	NAB	700	0.72%
38	NKG	200	0.22%
39	NLG	100	0.21%
40	OCB	400	0.33%
41	PAN	100	0.20%
42	PCI	100	0.17%
43	PDR	300	0.37%
44	PLX	100	0.41%
45	PNJ	100	0.78%
46	POW	400	0.40%
47	PVD	100	0.20%
48	PVT	100	0.14%
49	REE	100	0.44%
50	SAB	100	0.36%
51	SHB	1,500	1.73%
52	SSB	700	0.86%
53	SSI	800	1.82%
54	STB	900	3.65%
55	TCB	1,900	4.76%
56	TCH	200	0.22%
57	TPB	700	0.85%
58	VCB	400	2.05%
59	VCG	200	0.32%
60	VCI	200	0.49%
61	VHM	600	5.14%
62	VIB	1,000	1.26%
63	VIC	1,200	13.47%
64	VIX	700	1.25%



65	VJC	100	1.27%
66	VND	500	0.68%
67	VNM	400	2.05%
68	VPB	2,300	4.77%
69	VRE	400	0.87%
70	VSC	200	0.32%
II.	Tiền/Cash (VND)	53,472,459	3.73%
III.	Tổng/Total	1,434,527,459	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 1,381,055,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 1,434,527,459

Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 53,472,459

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	25,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	53,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	104,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	68,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	27,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	86,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	111,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	62,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	35,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	29,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	19,600	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>



Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Lan